

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045; nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lai Châu, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Quyết định số 840/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bảo đảm thống nhất với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, chính quyền số và xã hội số.

- Phát triển công nghiệp công nghệ số thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả quản lý nhà nước.

- Hình thành, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, dịch vụ công nghệ số phục vụ quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam.

- Gắn phát triển công nghiệp công nghệ số với triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế và nhu cầu lớn của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, năng lượng xanh, dữ liệu số, chính quyền số, đô thị thông minh, Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet Vạn Vật (IoT - Internet of Things), trung tâm dữ liệu, an toàn thông tin.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 840/QĐ-TTg; bảo đảm phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của địa phương và điều kiện thực tiễn tỉnh Lai Châu.

- Nhiệm vụ phải cụ thể, khả thi, có cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra, thời gian thực hiện; bảo đảm có thể theo dõi, kiểm tra, đánh giá.

- Ưu tiên doanh nghiệp làm trung tâm; Nhà nước kiến tạo môi trường phát triển, hạ tầng, dữ liệu, cơ chế hỗ trợ, thị trường ban đầu và điều kiện thử nghiệm theo quy định.

- Lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, đào tạo nhân lực, xúc tiến đầu tư, phát triển hạ tầng số và bảo đảm an toàn thông tin.

- Đối với các nội dung chưa đủ căn cứ pháp lý, chưa xác định rõ thẩm quyền, nguồn lực hoặc điều kiện triển khai, các cơ quan được giao nhiệm vụ phải rà soát, đề xuất cụ thể trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về công nghiệp công nghệ số

- Tổ chức phổ biến Quyết định số 840/QĐ-TTg, Luật Công nghiệp công nghệ số và các văn bản có liên quan đến các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Xây dựng tài liệu truyền thông, chuyên mục, tin bài về công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam, chuyển đổi số doanh nghiệp, ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò của công nghiệp công nghệ số đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số cấp tỉnh

- Rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành của tỉnh về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp sáng tạo, xúc tiến đầu tư, đào tạo nhân lực để đề xuất lồng ghép nội dung phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, dịch vụ công nghệ số phù hợp với thẩm quyền của địa phương; trong đó ưu tiên nhiệm vụ phục vụ chính quyền số, IOC, dữ liệu số, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, đô thị thông minh, môi trường, y tế, giáo dục.

- Rà soát, đề xuất cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

theo quy định. Cần rà soát, bổ sung căn cứ về thẩm quyền, định mức, trình tự, thủ tục và nguồn kinh phí.

3. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

- Khảo sát, lập cơ sở dữ liệu doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp có năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực quản trị, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, tiếp cận thị trường.

- Kết nối doanh nghiệp công nghệ số với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh để triển khai giải pháp số phù hợp nhu cầu thực tế của tỉnh.

4. Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam phù hợp nhu cầu của tỉnh

- Xây dựng danh mục bài toán, nhu cầu đặt hàng của tỉnh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, đô thị thông minh, tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, logistics, thương mại điện tử, chính quyền số và IOC.

- Ưu tiên sử dụng, thử nghiệm, đặt hàng hoặc thuê sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam theo quy định pháp luật về ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, mua sắm công, khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích doanh nghiệp phát triển các nền tảng, phần mềm, thiết bị, giải pháp AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin, bản đồ số, truy xuất nguồn gốc, quản trị doanh nghiệp, thương mại điện tử phù hợp điều kiện địa phương.

5. Thúc đẩy ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, nền tảng số trong các ngành trọng điểm

- Triển khai ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn, điện toán đám mây trong phân tích, dự báo, giám sát, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, quan trắc môi trường, cảnh báo thiên tai, quản lý du lịch, điều hành giao thông, quản lý đô thị, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát đầu tư công, phân tích chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm các ứng dụng công nghệ số được tích hợp với nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, IOC và hệ thống thông tin của tỉnh; tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Phát triển công nghiệp công nghệ số phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, đô thị thông minh, chính quyền số và IOC

- Trong nông nghiệp công nghệ cao: thúc đẩy giải pháp số phục vụ quản lý vùng trồng, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, quan trắc nhà kính, dự báo sâu bệnh, dự báo thị trường, quản lý chuỗi cung ứng và logistics lạnh.

- Trong du lịch: phát triển dữ liệu du lịch, bản đồ số du lịch, thuyết minh số, quảng bá số, phân tích dòng khách, phản ánh của du khách, quản lý cơ sở lưu trú và kết nối dịch vụ du lịch.

- Trong đô thị thông minh và chính quyền số: triển khai giải pháp phản ánh hiện trường, giám sát hạ tầng kỹ thuật, giao thông, môi trường đô thị, dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu điều hành và Trung tâm điều hành thông minh (IOC).

- Định kỳ công bố danh mục bài toán ưu tiên để doanh nghiệp công nghệ số đề xuất giải pháp, thí điểm, triển khai nhân rộng.

7. Thu hút đầu tư vào hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, khu/cụm công nghệ số, không gian đổi mới sáng tạo

- Rà soát điều kiện về quy hoạch, quỹ đất, điện năng, năng lượng tái tạo, viễn thông, giao thông, nguồn nhân lực, môi trường đầu tư để đề xuất không gian phát triển công nghiệp công nghệ số, trung tâm dữ liệu, khu/cụm công nghệ số, không gian đổi mới sáng tạo. Cần rà soát, bổ sung căn cứ quy hoạch.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, AI, IoT, bán dẫn, điện toán đám mây, an toàn thông tin nghiên cứu đầu tư tại tỉnh.

- Khuyến khích mô hình hợp tác công tư, xã hội hóa, thuê dịch vụ, liên kết với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để phát triển hạ tầng và hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số.

8. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số, dữ liệu số, AI, IoT, điện toán đám mây, an toàn thông tin, quản trị dự án công nghệ và quản trị dữ liệu.

- Phối hợp cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp triển khai đào tạo STEM, kỹ năng số, AI cơ bản, IoT, dữ liệu, điện toán đám mây, an toàn thông tin, bán dẫn ở mức phù hợp điều kiện tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng số cho người lao động, hợp tác xã, hộ kinh doanh, lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở.

9. Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số

- Hỗ trợ ươm tạo, tư vấn, huấn luyện, kết nối chuyên gia, kết nối nhà đầu tư, kết nối thị trường cho dự án khởi nghiệp công nghệ số.

- Lồng ghép hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ số với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Tổ chức cuộc thi, diễn đàn, ngày hội đổi mới sáng tạo, tìm kiếm giải pháp công nghệ số cho các bài toán của tỉnh.

10. Phát triển thị trường cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

- Tổ chức hoạt động kết nối cung - cầu, hội nghị giới thiệu giải pháp, phiên chợ công nghệ số, tuần lễ chuyển đổi số, hội thảo chuyên đề về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Thúc đẩy sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo đúng quy định về đấu thầu, đặt hàng, thuê dịch vụ, mua sắm công.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số quảng bá, tham gia sàn thương mại điện tử, triển lãm, hội chợ, chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh.

11. Thúc đẩy thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới theo quy định

- Nghiên cứu lựa chọn một số bài toán phù hợp để triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Các lĩnh vực đề xuất nghiên cứu gồm: AI phục vụ IOC; IoT quan trắc nông nghiệp, môi trường; dữ liệu số; du lịch thông minh; đô thị thông minh; truy xuất nguồn gốc; nền tảng hỗ trợ dịch vụ công.

- Trước khi triển khai thử nghiệm phải xác định rõ phạm vi, thời gian, đối tượng, trách nhiệm, tiêu chí đánh giá, phương án an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và xử lý rủi ro. Cần rà soát, bổ sung căn cứ về trình tự, thẩm quyền cấp phép thử nghiệm.

12. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

- Thực hiện phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; kiểm tra, giám sát, đánh giá an toàn thông tin đối với hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu phục vụ công nghiệp công nghệ số.

- Tổ chức diễn tập, tập huấn, nâng cao năng lực ứng cứu sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và đơn vị vận hành hệ thống.

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng, dữ liệu dùng chung; bảo đảm an ninh mạng trong kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, vận hành IOC, ứng dụng AI, IoT và các nền tảng số.

13. Theo dõi, đánh giá, thống kê, báo cáo kết quả phát triển công nghiệp công nghệ số

- Xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi, biểu mẫu báo cáo định kỳ về doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, nhân lực, hạ tầng, ứng dụng, thị trường và kết quả hỗ trợ.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ; kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp tình hình thực tiễn.

(Chi tiết phân công các nhiệm vụ tại phụ lục đính kèm).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định pháp luật.

- Lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp, đào tạo nhân lực, xúc tiến đầu tư, an toàn thông tin, phát triển hạ tầng số và các chương trình, dự án có liên quan.

- Huy động nguồn xã hội hóa, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định.

- Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; chủ trì tham mưu nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu số, hạ tầng số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát theo thẩm quyền; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng nhiệm vụ, chỉ tiêu, báo cáo kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này, đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

3. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, kết nối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa góp phần phát triển thị trường số.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, STEM, AI cơ bản, định hướng nghề nghiệp công nghệ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; phối hợp phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số, nhân lực bán dẫn phù hợp điều kiện tỉnh.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp tham mưu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về công nghệ số, dữ liệu số, AI, an toàn thông tin; tham mưu nội dung liên quan vị trí việc làm, nhân lực chuyên trách theo thẩm quyền.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp công nghệ cao, tài nguyên, môi trường, quan trắc, truy xuất nguồn gốc, vùng trồng, dữ liệu nông nghiệp, dữ liệu môi trường; đề xuất bài toán đặt hàng trong lĩnh vực quản lý.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và nền tảng số du lịch phục vụ quản lý nhà nước; phối hợp phát triển hệ sinh thái du lịch số và du lịch thông minh; triển khai ứng dụng công nghệ số, AI, dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước về du lịch, phân tích thị trường khách, kết nối dịch vụ và tích hợp dữ liệu du lịch với hệ thống IOC của tỉnh theo quy định.

8. Sở Xây dựng

Chủ trì nội dung đô thị thông minh, hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, quy hoạch không gian phát triển công nghiệp công nghệ số, trung tâm dữ liệu, khu/cụm công nghệ số theo thẩm quyền. Cần rà soát, bổ sung căn cứ quy hoạch trước khi đề xuất dự án cụ thể.

9. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, an toàn hệ thống, phòng chống tội phạm công nghệ cao; hướng dẫn, kiểm tra nội dung liên quan bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

10. UBND các xã, phường

Triển khai nhiệm vụ tại cơ sở; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận công nghệ số; cập nhật nhu cầu, bài toán thực tiễn; phối hợp cung cấp dữ liệu, triển khai mô hình ứng dụng công nghệ số tại địa bàn.

11. Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số

Phối hợp đề xuất sáng kiến, bài toán, giải pháp; tham gia đào tạo, ươm tạo, chuyên gia công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, kết nối thị trường và chuỗi cung ứng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này; các sở, ban, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp, Hội doanh nhân trẻ;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: V;
- Lưu: VT, Vx3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ GIAI
ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách					
1	Rà soát chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số	Rà soát chính sách hiện hành; đề xuất lồng ghép, sửa đổi, bổ sung nội dung hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các sở, ngành	Báo cáo rà soát, đề xuất	2026-2027
2	Ban hành hướng dẫn triển khai Kế hoạch	Hướng dẫn sở, ngành, cấp xã xây dựng nhiệm vụ, báo cáo, dữ liệu theo dõi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Văn bản hướng dẫn	2026
3	Xây dựng danh mục bài toán đặt hàng công nghệ số	Tổng hợp nhu cầu từ các sở, ngành, địa phương; lựa chọn bài toán ưu tiên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, UBND các xã, phường	Danh mục bài toán	2026, cập nhật hằng năm
4	Đề xuất cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ sản phẩm công nghệ số	Nghiên cứu cơ chế đặt hàng, thuê dịch vụ, mua sắm, giao nhiệm vụ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Tư pháp	Dự thảo cơ chế/đề xuất	2026-2028
II	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số					
5	Khảo sát doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn	Lập danh sách, phân loại năng lực, nhu cầu hỗ trợ, sản phẩm, thị trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Thuế tỉnh, hiệp hội DN	CSDL doanh nghiệp công nghệ số	2026, cập nhật hằng năm
6	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa	Tư vấn tiêu chuẩn, chất lượng, quản trị, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, hiệp hội DN	Các hoạt động hỗ trợ	2026-2030
7	Kết nối doanh nghiệp công nghệ số với cơ quan nhà nước	Tổ chức hội nghị giới thiệu bài toán, nhu cầu thuê/mua giải pháp số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành	Hội nghị/biên bản kết nối	Hằng năm

III	Phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số					
8	Phát triển sản phẩm số phục vụ IOC	Đặt hàng/đề xuất giải pháp AI, dashboard, cảnh báo, phân tích dữ liệu điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành	Danh mục giải pháp IOC	2026-2030
9	Sản phẩm số phục vụ nông nghiệp công nghệ cao	Ứng dụng IoT, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng trồng, dự báo, giám sát.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp	Mô hình/giải pháp triển khai	2026-2030
10	Sản phẩm số phục vụ du lịch thông minh	Bản đồ số du lịch, dữ liệu điểm đến, nền tảng quảng bá, phân tích khách du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở KH&CN, UBND các xã, phường	Sản phẩm/mô hình du lịch số	2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số					
11	Rà soát hạ tầng số phục vụ công nghiệp công nghệ số	Đánh giá hạ tầng viễn thông, 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, an toàn thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông và các sở, ngành	Báo cáo hiện trạng, đề xuất	2026-2027
12	Kết nối CSDL công nghiệp công nghệ số với hệ thống quốc gia	Chuẩn hóa, cập nhật, kết nối dữ liệu doanh nghiệp, sản phẩm, nhân lực, dự án.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Công an tỉnh	Dữ liệu được cập nhật/kết nối	2026-2030
13	Phát triển dữ liệu mở phục vụ thị trường công nghệ số	Công bố dữ liệu được phép mở về TTHC, quy hoạch, du lịch, nông nghiệp, đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành	Bộ dữ liệu mở	2026-2030
V	Ứng dụng công nghệ số trong ngành trọng điểm					
14	Ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong chỉ đạo điều hành	Thí điểm phân tích, dự báo chỉ tiêu KT-XH, đầu tư công, TTHC, phản ánh hiện trường.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành	Mô hình AI/BI điều hành	2026-2030
15	IoT quan trắc môi trường, tài nguyên	Ứng dụng cảm biến, dữ liệu thời gian thực, cảnh báo môi trường, nước, rừng, thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở KH&CN, UBND các xã, phường	Mô hình IoT/quan trắc	2026-2030

16	Ứng dụng công nghệ số trong y tế, giáo dục	Thúc đẩy nền tảng số, dữ liệu, dịch vụ số phục vụ người dân.	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, UBND các xã, phường	Mô hình/giải pháp triển khai	2026-2030
VI	Phát triển nhân lực					
17	Đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số	Tổ chức lớp bồi dưỡng về luật, chính sách, AI, dữ liệu, an toàn thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, cơ sở đào tạo	Các lớp đào tạo	Hàng năm
18	Đào tạo kỹ năng số, STEM trong trường học	Lồng ghép STEM, AI cơ bản, IoT, dữ liệu, định hướng nghề công nghệ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, doanh nghiệp	Chương trình/lớp học	2026-2030
19	Đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho doanh nghiệp	Tập huấn chuyển đổi số, quản trị công nghệ, an toàn thông tin, thương mại điện tử.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, hiệp hội DN	Khóa đào tạo	Hàng năm
VII	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo					
20	Ươm tạo dự án khởi nghiệp công nghệ số	Tư vấn, huấn luyện, kết nối mentor, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm mẫu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội DN, cơ sở đào tạo	Dự án được hỗ trợ	2026-2030
21	Không gian đổi mới sáng tạo công nghệ số	Nghiên cứu mô hình không gian làm việc chung, phòng thử nghiệm, ươm tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	Đề án/mô hình	2026-2029
22	Cuộc thi/điển đàn khởi nghiệp công nghệ số	Tổ chức sự kiện tìm kiếm giải pháp số cho bài toán địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Đoàn Thanh niên, hiệp hội DN	Sự kiện, danh mục giải pháp	2026-2030
VIII	An toàn thông tin, an ninh mạng					
23	Bảo đảm ATTT cho hệ thống công nghiệp công nghệ số	Kiểm tra cấp độ, giám sát, đánh giá rủi ro, diễn tập an toàn thông tin.	Công an tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành	Báo cáo kiểm tra/điễn tập	Hàng năm
24	Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quan trọng	Rà soát quy trình thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu; phân quyền, nhật ký truy cập.	Công an tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành	Hướng dẫn/kiểm tra	2026-2030

25	Nâng cao năng lực ứng cứu sự cố	Tổ chức tập huấn, diễn tập, kết nối mạng lưới ứng cứu sự cố của tỉnh.	Công an tỉnh	Sở KH&CN và các sở, ngành	Diễn tập/tập huấn	Hàng năm
IX	Theo dõi, kiểm tra, báo cáo					
26	Xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi công nghiệp công nghệ số	Xác định chỉ tiêu doanh nghiệp, sản phẩm, nhân lực, hạ tầng, ứng dụng, thị trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và các sở, ngành	Bộ chỉ tiêu, biểu mẫu	2026
27	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch	Tổng hợp tiến độ, khó khăn, kiến nghị; báo cáo UBND tỉnh, Bộ KH&CN.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo định kỳ	Hàng năm/đợt xuất
28	Sơ kết, tổng kết Kế hoạch	Sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn; đề xuất nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo sơ kết/tổng kết	2028, 2030